

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST
Ngày : 23-8-2018
V/V Ly hôn giữa bà S và ông S,
nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Ngọc Đình

Bà Huỳnh Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 158/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm S. Địa chỉ: ấp L, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn S. Địa chỉ: Ấp K, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25-6-2018 và trong quá trình xét xử, bà Nguyễn Thị Cẩm S là nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Trần Văn S chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn khoảng 04-05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông S đi qua đêm bên ngoài không về nhà mà không rõ lý do. Sau khi bà sinh con xong khoảng 12 tháng sau thì bà mới biết ông S chơi game nên vợ chồng cãi vã với nhau và ông S về nhà cha mẹ ruột sống từ ngày 25/11/2017 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về nuôi con chung: vợ chồng có một con chung tên Trần Hải Đăng, sinh ngày 30/11/2016 hiện con đang sống cùng với bà, khi ly hôn bà yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Văn S là bị đơn trình bày: Qua lời trình bày của bà S về điều kiện kết hôn là đúng, về mâu thuẫn vợ chồng thì đúng. Nay bà S yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên Trần Hải Đăng, sinh ngày 30/11/2016 hiện con đang sống cùng với bà S, trường hợp phải ly hôn ông đồng ý để bà S nuôi con, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con một tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2018.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà S và ông S xác định về tài sản chung: có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông S đồng ý ly hôn và đồng ý để bà S trực tiếp nuôi con, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng: Bà S yêu cầu ly hôn với ông S, Hội đồng xét xử nhận thấy được quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà S và ông S có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Bà S yêu cầu ly hôn với ông S, ông S đồng ý ly hôn vì mục đích hôn nhân của hai bên không đạt được, cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng được nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của hai đương sự theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

[4]. Về nuôi con chung: Hai đương sự thỏa thuận, ông S đồng ý giao con chung tên Trần Hải Đăng, sinh ngày 30/11/2016 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi nên cần công nhận sự thỏa thuận về nuôi con chung của bà S và ông S theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà S yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con một tháng 2.000.000 đồng, ông S không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung nên cần buộc ông S phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên là Trần Hải Đăng hằng tháng 695.000 đồng đến khi con chung tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2018.

[6]. Về tài sản chung: có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét khi nào các bên có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[7]. Về án phí: Bà S phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng; ông Sang chịu án phí 300.000 đồng cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 9, 19, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Cẩm S và ông Trần Văn S.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung tên Trần Hải Đăng, sinh ngày 30/11/2016 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng (hiện do bà S đang nuôi dưỡng) đến khi con chung tròn 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông S phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên là Trần Hải Đăng hằng tháng, mỗi tháng là 695.000 đồng đến khi con chung tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2018.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Không ai được lợi dụng việc thăm nom con hoặc việc trực tiếp nuôi con để cản trở việc nuôi con hoặc việc thăm nom con, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bên còn lại. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

4. Về án phí:

Bà S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002333 ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ông S phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn.
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí